

HORNOL



1. Thành phần hoạt chất:

Dinatri uridin monophosphate: 3 mg.

Dinatri cytidin monophosphat: 5 mg.

2. Thuốc này là thuốc gì:

Thuộc nhóm thuốc thần kinh

3. Chỉ định điều trị:

-Bệnh nhân bị các bệnh liên quan đến thần kinh ngoại biên như xương – khớp, chuyển hóa, nhiễm khuẩn.

-Hỗ trợ trong việc điều trị các triệu chứng đau dây thần kinh mặt, dây thần kinh sinh ba, thần kinh gian sườn và đau cả lưng.

4. Liều dùng và cách dùng:

-Cách dùng: dùng đường uống

Liều dùng:

+Người lớn: 1-2 viên x 2 lần/ngày

+Trẻ em: uống 1 viên x 2 lần/ ngày

5. Chống chỉ định:

-Chống chỉ định sử dụng thuốc Hornol đối với bệnh nhân quá mẫn hay dị ứng với bất kỳ thành phần nào của thuốc.

-Chống chỉ định sử dụng đối với phụ nữ có thai.

6. Tác dụng không mong muốn

Chưa ghi nhận.

7. Tương tác thuốc

Chưa ghi nhận


8. Dược động học:

Không có dữ liệu

9. Tài liệu tham khảo:

Dược thư quốc gia

Tờ hướng dẫn sử dụng thuốc.

Rx THUỐC BÁN THEO ĐƠN 

TỜ HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG THUỐC

HORNOL
(Viên nang cứng)

*Đọc kỹ hướng dẫn sử dụng trước khi dùng
Nếu cần thêm thông tin xin hỏi ý kiến thầy thuốc
Chỉ dùng thuốc này theo sự kê đơn của thầy thuốc*

THÀNH PHẦN
Mỗi viên nang chứa:
Dinatri uridin monophosphat 3 mg
Dinatri cytidin monophosphat 5 mg
Tà dược: Cellulose vi tinh thể, calci phosphat dibasic khan, talc, magnesii stearat, croscarmellose natri, silicon dioxyd.

Đặc tính dược lực học:
HORNOL bao gồm 2 thành phần: Dinatri cytidin monophosphat và Dinatri uridin monophosphat cung cấp phosphat cần thiết cho những thành phần chính của bao myelin, giúp cho sự trưởng thành và tái sinh sợi trục mô thần kinh.
Dinatri cytidin monophosphat làm trung gian cho quá trình tổng hợp các lipid phức tạp là một thành phần cấu tạo màng tế bào thần kinh, đặc biệt sphingomyelin, tiền của các acid nucleic (ADN và ARN), là những yếu tố cơ bản của sự chuyển hóa tế bào như trong quá trình tổng hợp protein.
Dinatri uridin monophosphat tác động như coenzym trong quá trình tổng hợp glycolipid của cấu trúc neuron và lớp bao myelin, bổ sung hoạt động của Dinatri cytidin monophosphat.

Đặc tính dược động học:
Không có dữ liệu.

CHỈ ĐỊNH:
- Hỗ trợ điều trị các bệnh về thần kinh ngoại biên liên quan đến bệnh xương - khớp, chuyển hóa, nhiễm khuẩn.
- Hỗ trợ điều trị chứng đau dây thần kinh mặt, dây thần kinh sinh ba, thần kinh gian sườn, đau lưng.

CHỐNG CHỈ ĐỊNH:
Quá mẫn với bất cứ thành phần nào của thuốc.

LƯU Ý ĐẶC BIỆT VÀ THẬN TRỌNG KHI SỬ DỤNG:
Thận trọng ở phụ nữ có thai. Thuốc không chống chỉ định dùng trong thai kỳ, nhưng phải có ý kiến của bác sỹ.
Để xa tầm tay trẻ em.

SỬ DỤNG CHO PHỤ NỮ CÓ THAI VÀ CHO CON BÚ:
Thận trọng khi sử dụng cho phụ nữ mang thai.

TÁC DỤNG KHÔNG MONG MUỐN:
Chưa được ghi nhận.
Thông báo cho thầy thuốc các tác dụng không mong muốn gặp phải khi sử dụng thuốc.

TÁC ĐỘNG TRÊN KHẢ NĂNG LÁI XE VÀ VẬN HÀNH MÁY MÓC:
Không có.

LIỀU LƯỢNG VÀ CÁCH DÙNG:
- Người lớn: uống 1 - 2 viên x 2 lần/ ngày.


- Trẻ em: uống 1 viên x 2 lần/ ngày.
Theo chỉ định của bác sỹ.

TƯƠNG TÁC THUỐC, CÁC DẠNG TƯƠNG TÁC KHÁC:
Chưa được biết.

QUÁ LIỀU - XỬ TRÍ:
Không dự đoán được xảy ra quá liều do hiếm gặp độc tính của thuốc.

ĐÓNG GÓI : Hộp 3 vỉ x 10 viên.
: Hộp 9 vỉ x 10 viên.

BẢO QUẢN: Nơi khô ráo, tránh ánh sáng, nhiệt độ không quá 30°C.
TIÊU CHUẨN CHẤT LƯỢNG: Tiêu chuẩn nhà sản xuất.
HẠN DÙNG: 36 tháng kể từ ngày sản xuất.

 **DAVIPHARM**
Sản xuất tại: **CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM ĐẠT VI PHÙ (DAVIPHARM)**
Lô M7A, Đường D17, Khu Công nghiệp Mỹ Phước 1, Phường Thới Hòa, Thị xã Bến Cát, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam
Tel: 0274.3567.687 Fax: 0274.3567.688

